

**KẾ HOẠCH GIÁO DỤC LỚP MẪU GIÁO GHÉP 3+4 TUỔI
NĂM HỌC: 2024 - 2025**

T T	Độ tuổi	Mục tiêu	Nội dung		Thực hiện chủ đề	ĐCBS
			Riêng	Chung		
1. Phát triển thể chất						
a. Phát triển vận động						
1. Thực hiện được các động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp						
1	3	- Trẻ biết thực hiện đủ các động tác trong bài thể dục theo hướng dẫn	- Tay: Co và duỗi tay, bắt chéo 2 tay trước ngực. - Chân: + Bước lên phía trước, sang ngang + Co duỗi chân.	*3, 4 tuổi : - Hô hấp: Hít vào, thở ra. - Tay: Hai tay đưa lên cao, ra phía trước, sang 2 bên. - Lưng, bụng, lườn	1->10	
2	4	- Trẻ biết thực hiện đúng, đủ nhịp nhàng các động tác trong bài thể dục theo hiệu lệnh	- Tay: Co và duỗi tay, vỗ 2 tay vào nhau (Phía trước, phía sau, trên đầu). - Lườn : Ngửa người ra sau. - Chân : + Nhún chân. + Đứng, lần lượt từng chân co cao đầu gối.	+ ĐT 1: Đứng cúi người về phía trước. + ĐT 2: Quay sang trái, sang phải + ĐT 3: Nghiêng người sang trái, sang phải. - Chân: Ngồi xổm, đứng lên; Bật tại chỗ.	1->10	
2. Thể hiện kỹ năng vận động cơ bản và các tổ chức trong vận động.						
- Trẻ giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động:						

3	3	<ul style="list-style-type: none"> + Trẻ đi được hết đoạn đường hẹp (3m x 0,2m). + Trẻ đi được kiễng gót liên tục 3m. 	<ul style="list-style-type: none"> - Đi và chạy: + Đi kiễng gót. + Đi trong đường hẹp. + Đi trong đường hẹp đầu đội túi cát. 	<ul style="list-style-type: none"> * 3,4 tuổi : + Đi trên ghế thể dục + Đi khụy gối + Đi lùi 	<ul style="list-style-type: none"> 1 5 6 7 10 10 	
4	4	<ul style="list-style-type: none"> + Trẻ bước được liên tục trên ghế thể dục hoặc đi liên tục trên ghế thể dục hoặc trên vạch kẻ thẳng trên sàn. + Trẻ biết đi bước lùi liên tiếp khoảng 3m. 	<ul style="list-style-type: none"> - Đi và chạy: + Đi bằng gót chân + Đi trên vạch kẻ thẳng trên sàn. 		<ul style="list-style-type: none"> 1 5 	
- Trẻ kiểm soát được vận động:						
5	3	<ul style="list-style-type: none"> + Trẻ biết đi/chạy theo hiệu lệnh. + Trẻ biết chạy liên tục trong đường dích dắc (3-4 điểm dích dắc) không chệch ra ngoài. 	<ul style="list-style-type: none"> + Đi thay đổi hướng theo đường dích dắc. + Chạy 15m theo hướng thẳng. - Bật - nhảy: + Bật tại chỗ. + Bật về phía trước. + Bật xa 20 - 25 cm. + Bước lên, xuống bục cao 30cm. 	<ul style="list-style-type: none"> * 3,4 tuổi: + Đi thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh. + Nhảy lò cò 3m. + Chạy thay đổi tốc độ 	<ul style="list-style-type: none"> 4 6 3 2 4 6 10 7 	

				theo hiệu lệnh + Bật tách chân, khếp chân qua 5 ô. + Bật qua vật cản cao 10- 15cm + Chạy chậm 60-80m	2 5 8 8	
6	4	+ Trẻ biết đi/chạy thay đổi hướng vận động đúng tín hiệu vật chuẩn (4-5 vật chuẩn đặt đích dắc).	+ Đi thay đổi hướng (đích dắc) theo vật chuẩn. * Bật - nhảy: + Bật liên tục về phía trước. + Bật xa 35 - 40cm. + Bật - nhảy từ trên cao xuống (cao 30 - 35cm). + Bật qua vật cản cao 10 - 15cm.		- 4 - 2 - 4 - 3 - 8	
- Trẻ biết phối hợp tay- mắt trong vận động:						
7	3	+ Tung bắt bóng với cô: bắt được 3 lần liên không rơi bóng (khoảng cách 2,5 m).	- Tung, ném, bắt: + Tung bắt bóng với cô. + Đập bắt bóng với cô. + Chuyển bắt bóng 2 bên theo hàng ngang	* 3,4 Tuổi: + Ném xa bằng 1 tay. + Ném xa bằng 2 tay. + Tung bắt bóng với người đối diện. + Trèo qua ghế dài 1,5 x30cm	- 3 - 9 - 8 - 7 - 1 - 6 - 4	
8	4	+ Tung bắt bóng với người đối diện (cô/bạn): bắt được 3 lần liên không rơi bóng (khoảng cách 3	- Tung, ném, bắt: + Tung bóng lên cao và bắt. + Chuyển, bắt bóng qua đầu, qua chân.		- 1 - 4	

		m).	+ Trèo lên, xuống 5 giống thang.		- 6	
9	3	+ Trẻ biết ném trúng đích ngang (xa 1,5 m).		- 3,4 tuổi: + Ném trúng đích bằng 1 tay.	5	
10	4	+ Trẻ biết ném trúng đích ngang (xa 2 m).			5	
11	4	+ Tự đập bắt bóng được 4-5 lần liên tiếp.	- Đập bắt bóng tại chỗ.		6	
- Trẻ thể hiện được sự nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp:						
12	4	+ Chạy liên tục theo hướng thẳng 15 m trong 10 giây	+ Chạy 15m trong khoảng 10 giây.			- 6
13	3	+ Bò trong đường hẹp (3 m x 0,4 m) không chệch ra ngoài.	+ Bò theo hướng thẳng + Bò theo đường dích dắc + Trườn về phía trước.	* 3,4 tuổi: - Bò chui qua cổng.		- 3 - 1 - 5 - 4
14	4	+ Bò trong đường dích dắc (3 - 4 điểm dích dắc, cách nhau 2m) không chệch ra ngoài.	+ Trườn theo hướng thẳng + Bò bằng bàn tay và bàn chân 3-4m. + Bò dích dắc qua 5 điểm.	* 3-4 tuổi: + Bò chui qua ống dài 1,2m x 0,6m.		- 4 - 1 - 5 - 9
3. Thực hiện và phối hợp được các cử động của bàn tay ngón tay, phối hợp tay - mắt.						
15	3	- Trẻ thực hiện được các vận động + Xoay tròn cổ tay. + Gập, đan ngón tay vào nhau.	- Gập, đan các ngón tay vào nhau, quay ngón tay cổ tay, cuộn cổ tay.		1->4	
16	4	- Trẻ thực hiện được các vận động + Cuộn - xoay	- Vo, xoáy, xoắn, vặn, búng ngón tay, vê, véo, vuốt, miết,		1->4	

		tròn cổ tay - Gập, mở, các ngón tay,	ấn bàn tay, ngón tay, gấn, nổi ...			
17	3	- Trẻ phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay trong một số hoạt động: + Vẽ được hình tròn theo mẫu. + Cắt thẳng được một đoạn 10 cm. + Xếp chồng 8 - 10 khối không đồ. + Tự cài, cởi cúc	- Đan, tết. - Xếp chồng các hình khối khác nhau. - Xé, dán giấy. - Sử dụng kéo, bút - Cài, cởi cúc.		- 4 - 6,8 - 5,7,9 - 9,10 - 3	
18	4	- Trẻ phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay - mắt trong một số hoạt động: + Vẽ hình người, nhà, cây. + Cắt thành thạo theo đường thẳng. + Xây dựng, lắp ráp với 10 - 12 khối. + Biết tết sợi đôi + Tự cài, cởi cúc, buộc dây giày.	- Gập giấy. - Lắp ghép hình. - Xé, cắt đường thẳng. - Tô, vẽ hình. - Cài, cởi cúc, khâu, buộc dây.		- 4 - 6,8 - 5,7,9 - 9,10 - 3	

b. Dinh dưỡng sức khỏe.

1. Biết một số món ăn, thực phẩm thông thường và ích lợi của chúng đối với sức khỏe

19	3	- Trẻ biết nói đúng tên một số thực phẩm quen thuộc khi nhìn vật thật hoặc tranh ảnh (thịt, cá, trứng, sữa, rau...)	- Nhận biết một số thực phẩm và món ăn quen thuộc.		1,2,3,5 ,6,7	
20	4	- Trẻ biết được một số thực phẩm cùng nhóm: + Thịt, cá, ...có	- Nhận biết một số thực phẩm thông thường trong các nhóm		1,2,3,5 ,6,7	

		nhiều chất đạm. + Rau, quả chín có nhiều vitamin	thực phẩm (trên tháp dinh dưỡng).			
21	3	- Trẻ khỏe mạnh, cân nặng chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi - Cân nặng bé gái từ 12,3 - 21,5kg; Bé trai từ 12,7 – 21,2kg. - Chiều cao bé gái: 94,1 – 111,3cm; Bé trai: 94,9 – 111,7cm.	- Khỏe mạnh, cân nặng chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi.		1, 3 ,6, 10	
22	4	- Trẻ khỏe mạnh, cân nặng chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi - Cân nặng: Bé gái từ 13,7 – 24,9kg; Bé trai từ: 14,1 – 24,2kg. - Chiều cao bé gái: 99,9 – 119,2cm; Bé trai: 100,7 – 119,2cm.	- Khỏe mạnh, cân nặng chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi.		1, 3 ,6, 10	
23	4	- Trẻ nói được tên một số món ăn hàng ngày và dạng chế biến đơn giản: rau có thể luộc, nấu canh; thịt có thể luộc, rán, kho; gạo nấu cơm, nấu cháo....	- Nhận biết dạng chế biến đơn giản của một số thực phẩm, món ăn.		1,2,3,4,5,6,7	
24	3	- Trẻ biết ăn để chóng lớn, khỏe mạnh và chấp nhận ăn nhiều loại thức ăn khác nhau.		- Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (ỉa chảy, sâu răng,	2,4	
25	4	- Trẻ biết ăn để cao lớn, khỏe		suy dinh dưỡng, béo	2,4	

		<p>mạnh, thông minh và biết ăn nhiều loại thức ăn khác nhau để có đủ chất dinh dưỡng.</p>		<p>phì...).</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết các bữa ăn trong ngày và ích lợi của ăn uống đủ lượng và đủ chất. 		
2. Thực hiện được một số việc tự phục vụ trong sinh hoạt						
26	3	<ul style="list-style-type: none"> - Trẻ thực hiện được một số việc đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn: + Rửa tay, lau mặt, súc miệng. + Tháo tất, cởi quần, áo 	<ul style="list-style-type: none"> - Làm quen cách đánh răng, lau mặt. - Tập rửa tay bằng xà phòng. - Thể hiện bằng lời nói về nhu cầu ăn, ngủ, vệ sinh. 		1,2,3,4	
27	4	<ul style="list-style-type: none"> - Trẻ thực hiện được một số việc khi được nhắc nhở: + Trẻ biết tự rửa tay bằng xà phòng. Tự lau mặt, đánh răng. + Trẻ biết tự thay quần, áo khi bị ướt, bẩn. 	<ul style="list-style-type: none"> - Tập đánh răng, lau mặt. - Rèn luyện thao tác rửa tay bằng xà phòng theo cô. - Đi vệ sinh đúng nơi quy định. 		1,2,3,4	
28	3	<ul style="list-style-type: none"> - Trẻ biết sử dụng bát, thìa, cốc đúng cách. 	<ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng bát, thìa, cốc đúng cách. <p><i>Steam: Dự án “Đồ dùng gia đình” 5E</i></p>		- 1,2,3	
					- 3	
29	4	<ul style="list-style-type: none"> - Trẻ biết tự cầm bát, thìa xúc ăn gọn gàng, không rơi vãi, đổ thức ăn 	<ul style="list-style-type: none"> - Tự cầm bát, thìa xúc ăn gọn gàng, không rơi vãi, đổ thức ăn <p><i>Steam: Dự án “Đồ dùng gia đình” 5E</i></p>		-1,2,3	
					- 3	
3. Có một số hành vi và thói quen tốt trong sinh hoạt và giữ gìn sức khỏe						
30	3	<ul style="list-style-type: none"> - Trẻ có một số hành vi tốt trong 	<ul style="list-style-type: none"> - Mời cô mời bạn, ngồi ngay ngắn, tự 		2,4	

		<p>ăn uống khi được nhắc nhở: uống nước đã đun sôi...</p>	<p>xúc ăn, ăn từ tốn, không nói chuyện và đùa nghịch trong khi ăn.</p> <p>- Vệ sinh trong ăn uống: ăn thức ăn chín và uống nước đun sôi.</p>		
31	4	<p>- Trẻ có một số hành vi tốt trong ăn uống: + Trẻ biết mời cô, mời bạn khi ăn; ăn từ tốn, nhai kỹ. - Trẻ biết chấp nhận ăn rau và ăn nhiều loại thức ăn khác nhau... + Trẻ không uống nước lã.</p>	<p>- Mời cô, mời bạn khi ăn; ăn từ tốn, nhai kỹ. - Không uống nước lã.</p>		2,4
32	3	<p>- Trẻ có một số hành vi tốt trong vệ sinh, phòng bệnh khi được nhắc nhở: + Trẻ biết chấp nhận: Vệ sinh răng miệng, đội mũ khi ra nắng, mặc áo ấm, đi tất khi trời lạnh, đi dép, giày khi đi học. - Trẻ biết nói với người lớn khi bị đau, chảy máu.</p>	<p>- Nhận biết trang phục theo thời tiết. Các công việc tự phục vụ của trẻ phù hợp phong tục và điều kiện của trẻ tại địa phương.</p> <p>- Nhận biết một số biểu hiện khi ốm và nói với người lớn khi bị đau, chảy máu, mệt, đau sốt.</p>	<p>- Tập luyện một số thói quen tốt về giữ gìn sức khỏe. - Lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể, vệ sinh môi trường đối với sức khỏe con người.</p>	1,2,4,9
33	4	<p>- Trẻ có một số hành vi tốt trong vệ sinh, phòng bệnh khi được nhắc nhở: + Trẻ biết vệ sinh răng miệng, đội mũ khi ra nắng,</p>	<p>- Lựa chọn trang phục phù hợp với thời tiết (Mặc quần áo ấm vào mùa đông, mát mẻ vào mùa hè).</p> <p>- Ích lợi của mặc</p>		1,2,4,9

		<p>mặc áo ấm, đi tất khi trời lạnh. đi dép giầy khi đi học.</p> <p>+ Trẻ biết nói với người lớn khi bị đau, chảy máu hoặc sốt....</p> <p>+ Trẻ biết đi vệ sinh đúng nơi quy định.</p> <p>+ Trẻ biết bỏ rác đúng nơi qui định.</p>	<p>trang phục phù hợp với thời tiết.</p> <p>- Nhận biết một số biểu hiện khi ốm và cách phòng tránh đơn giản. (Đau bụng, sốt, ho,...)</p>			
4. Biết một số nguy cơ không an toàn và phòng tránh						
34	3	- Trẻ nhận ra được và tránh một số vật dụng nguy hiểm (bàn là, bếp đang đun, phích nước nóng ...) khi được nhắc nhở.		- Nhận biết và phòng tránh những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng bếp đun, dao, kéo.	1,2 3,10	
35	4	- Trẻ nhận ra được bàn là, bếp đang đun, phích nước nóng.... là nguy hiểm không đến gần. Biết các vật sắc nhọn không nên nghịch.			2,3,10	
36	3	- Trẻ biết tránh nơi nguy hiểm (hồ, ao, bể chứa nước, giếng, hố vôi ...) khi được nhắc nhở.		- Nhận biết và phòng tránh những nơi không an toàn như ao, suối bể chứa nước, bụi rậm ...	9	
37	4	- Trẻ biết nhận ra những nơi như: hồ, ao, mương nước, suối, bể chứa nước...là nơi nguy hiểm, không được chơi gần.			9	
38	3	- Trẻ biết tránh một số hành động nguy hiểm khi	- Không cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các	- Nhận biết và phòng tránh những	1,2,4,7 ,8,10	

		<p>được nhắc nhở: + Không cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt... + Không tự lấy thuốc uống. + Trẻ biết không nên leo trèo bàn ghế, lan can. + Trẻ biết không nên nghịch các vật sắc nhọn. Không theo người lạ ra khỏi khu vực trường lớp.</p>	<p>loại quả có hạt... - Không tự lấy thuốc uống. - Không nên leo trèo bàn ghế, lan can. - Không nên nghịch các vật sắc nhọn. Không theo người lạ ra khỏi khu vực trường lớp.</p>	<p>hành động nguy hiểm như leo trèo lan can, cửa sổ,</p>		
39	4	<p>- Trẻ biết một số hành động nguy hiểm và phòng tránh khi được nhắc nhở: + Trẻ biết không cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt... + Trẻ biết không ăn thức ăn có mùi ôi; không ăn lá, quả lạ... không uống rượu, bia, cà phê; không tự ý uống thuốc khi không được phép của người lớn. + Trẻ biết không được ra khỏi trường khi không được phép của cô giáo.</p>	<p>- Không cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt... - Không ăn thức ăn có mùi ôi; không ăn lá, quả lạ... không uống rượu, bia, cà phê; không tự ý uống thuốc khi không được phép của người lớn. -Không được ra khỏi trường khi không được phép của cô giáo.</p>		1,2,4,7,8,10	
40	4	<p>- Trẻ nhận ra được một số trường hợp nguy hiểm và gọi người giúp. + Trẻ biết gọi</p>	<p>- Gọi người lớn khi gặp một số trường hợp khẩn cấp: cháy, có người rơi xuống</p>	<p>- Nhận biết một số trường hợp khẩn cấp và gọi người</p>	1,3,4,9,10	

		<p>người lớn khi gặp một số trường hợp khẩn cấp: cháy, có người rơi xuống nước, ngã chảy máu.</p> <p>+ Trẻ biết gọi người giúp đỡ khi bị lạc. Nói được tên, địa chỉ gia đình, số điện thoại người thân khi cần thiết.</p>	<p>nước, ngã chảy máu.</p> <p>- Gọi người giúp đỡ khi bị lạc. Nói được tên, địa chỉ gia đình, số điện thoại người thân khi cần thiết.</p>	<p>giúp đỡ kêu cứu khi bị bắt cóc dọa nạt,...)</p>		
2. Phát triển nhận thức.						
a. Khám phá khoa học.						
- Xem xét và tìm hiểu đặc điểm của các sự vật, hiện tượng.						
41	3	<p>- Trẻ biết quan tâm, hứng thú với các sự vật, hiện tượng gần gũi, như chăm chú quan sát sự vật, hiện tượng; hay đặt câu hỏi về đối tượng.</p>	<p>- Chức năng của các giác quan và một số bộ phận khác của cơ thể.</p> <p>- Một số nguồn nước trong sinh hoạt hàng ngày.</p> <p>- Ích lợi của nước với đời sống con người, con vật, cây.</p> <p><i>Steam: Dự án: “Một số loại quả” 5E</i></p>	- 7	2,9	
42	4	<p>- Trẻ biết quan tâm đến những thay đổi của sự vật, hiện tượng xung quanh với sự gợi ý, hướng dẫn của cô giáo như đặt câu hỏi về những thay đổi của sự vật, hiện tượng: Vì sao cây lại héo? Vì sao lá cây bị ướt?...</p>	<p>- Một số đặc điểm, tính chất của nước.</p> <p>- Các nguồn nước trong môi trường sống.</p> <p>- Một số hiện tượng thời tiết theo mùa nóng lạnh mưa gió...và ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt của con người</p> <p>- Đặc điểm bên ngoài của con vật, cây, hoa, quả gần gũi, ích lợi tác hại đối với con người</p>		2,9	

			<p>nơi trẻ sinh sống. <i>Steam: Dự án: “Một số loại quả” 5E</i> - Sự khác nhau giữa ngày và đêm. Ích lợi của nước với đời sống con người, con vật và cây. - Biểu hiện của biến đổi khí hậu, các loại thiên tai thường xảy ra ở địa phương, ở Việt Nam, dấu hiệu của từng loại thiên tai, nguyên nhân, hậu quả, cách ứng xử đơn giản khi có thiên tai. - Nguyên nhân gây ô nhiễm nguồn nước và cách bảo vệ nguồn nước.</p>		- 7	
43	3	<p>- Trẻ biết sử dụng các giác quan để xem xét, tìm hiểu đối tượng: nhìn, nghe, ngửi, sờ,.. để nhận ra đặc điểm nổi bật của đối tượng</p>	<p>- Sử dụng các giác quan để xem xét, tìm hiểu đối tượng: nhìn, nghe, ngửi, sờ,.. để nhận ra đặc điểm nổi bật của đối tượng. <i>Steam: Dự án: “Một số loại quả” 5E</i></p>		2->10	
					- 7	
44	4	<p>- Trẻ biết phối hợp các giác quan để xem xét sự vật, hiện tượng như kết hợp nhìn, sờ, ngửi, nếm... để tìm hiểu đặc điểm của đối tượng</p>	<p>- Chức năng các giác quan và các bộ phận khác của cơ thể. <i>Steam: Dự án: “Một số loại quả” 5E</i></p>		2->10	
					- 7	
45	3	<p>- Trẻ biết làm thử nghiệm đơn giản với sự giúp đỡ của</p>	<p>- Thử nghiệm đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn để</p>	<p>* 3-4 tuổi: - Một vài đặc điểm,</p>	5,7,9	

		người lớn để quan sát, tìm hiểu đối tượng. Ví dụ: Thả các vật vào nước để nhận biết vật chìm hay nổi.	quan sát, tìm hiểu đối tượng. Ví dụ: Thả các vật vào nước để nhận biết vật chìm hay nổi.	tính chất của đất, đá, cát, sỏi.		
46	4	- Trẻ biết làm thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán. Ví dụ: Pha màu/đường/muối vào nước, dự đoán, quan sát, so sánh.	- Thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán. Ví dụ: Pha màu/đường/muối vào nước, dự đoán, quan sát, so sánh.		5,7,9	
47	3	- Trẻ biết thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau có sự gợi mở của cô giáo như xem sách, tranh ảnh và trò chuyện về đối tượng.	- Thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau có sự gợi mở của cô giáo như xem sách, tranh ảnh và trò chuyện về đối tượng.		1->5	
48	4	- Trẻ biết thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau: xem sách, tranh ảnh, nhận xét và trò chuyện.	- Thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau: xem sách, tranh ảnh, nhận xét và trò chuyện.		1->5	
49	3	- Trẻ biết phân loại các đối tượng theo một dấu hiệu nổi bật	- Phân loại các đối tượng theo một dấu hiệu nổi bật. <i>Steam: Dự án “Đồ dùng gia đình” 5E</i> <i>Steam: Dự án: “Một số loại quả” 5E</i> - Một số dấu hiệu nổi bật của ngày và đêm.		1,3,4,5 ,7,8,9, 10 - 3 7 9	
50	4	Trẻ biết phân loại các đối tượng theo một hoặc hai dấu hiệu	- Phân loại đồ dùng, đồ chơi theo 1 - 2 dấu hiệu. <i>Steam: Dự án “Đồ</i>		1,3,4,5 ,7,8,9, 10	

			<p><i>dùng gia đình” 5E</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Phân loại cây, hoa, quả, con vật theo 1 - 2 dấu hiệu. <p><i>Steam: Dự án “Một số loại quả” 5E)</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Phân loại các phương tiện giao thông theo 1 - 2 dấu hiệu. - Sự khác nhau giữa ngày và đêm. 		3	
					7	
					8	
					9	
* Nhận biết mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng và giải quyết vấn đề đơn giản						
51	3	- Trẻ nhận ra được một vài mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng quen thuộc khi được hỏi.	<ul style="list-style-type: none"> - Mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây quen thuộc với môi trường sống của chúng. - Cách chăm sóc và bảo vệ con vật, cây gần gũi của địa phương - Hiện tượng nắng, mưa, nóng, lạnh và ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt của trẻ. - Một số nguồn ánh sáng trong sinh hoạt hàng ngày. 		1,3,4,5,7,8,9,10	
52	4	- Trẻ nhận xét được một số mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng gần gũi. VD: “Cho thêm đường/ muối nên nước ngọt/mặn hơn”	<ul style="list-style-type: none"> - Một số hiện tượng thời tiết theo mùa và ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt của con người. - Quan sát, phán đoán mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây với môi trường sống. - Không khí, các nguồn ánh sáng và sự cần thiết của nó với cuộc sống con người, con vật và cây. 		1,3,4,5,7,8,9,10	

53	4	- Trẻ biết sử dụng cách thức thích hợp để giải quyết vấn đề đơn giản. Ví dụ: Làm cho ván dốc hơn để ô tô đồ chơi chạy nhanh hơn.	- Sử dụng cách thức thích hợp để giải quyết vấn đề đơn giản. Ví dụ: Làm cho ván dốc hơn để ô tô đồ chơi chạy nhanh hơn.		7,8,9	
* Thể hiện hiểu biết về đối tượng bằng các cách khác nhau						
54	3	- Trẻ biết mô tả những dấu hiệu nổi bật của đối tượng được quan sát với sự gợi mở của cô giáo.(S)	- Đặc điểm nổi bật, công dụng, cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi. <i>Steam: Dự án “Đồ dùng gia đình” 5E</i> - Đặc điểm nổi bật và ích lợi của con vật, cây, hoa, quả quen thuộc. <i>Steam: Dự án “Một số loại quả ” 5E</i> - Tên, đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông quen thuộc.	* 3,4 tuổi: - Đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông. - Đặc điểm, công dụng và cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi. <i>Steam: Dự án “Đồ dùng gia đình” 5E</i>	1,4,5,8 ,10 3 7 3 8	
55	4	- Trẻ biết nhận xét, trò chuyện về đặc điểm, sự khác nhau, giống nhau của các đối tượng được quan sát.	- Đặc điểm bên ngoài của con vật, cây, hoa, quả gần gũi, ích lợi và tác hại đối với con người. <i>Steam: Dự án “Đồ dùng gia đình” 5E</i> - So sánh sự khác nhau và giống nhau của 2 con vật, cây, hoa, quả. <i>Steam: Dự án “Một số loại quả” 5E</i> - So sánh sự khác nhau và giống nhau của 2 - 3 đồ dùng, đồ chơi. <i>Steam: Dự án “Đồ</i>		1,3,4,5 ,7,8,10 3 7 3	

			<i>dùng gia đình” 5E)</i>			
56	3	- Trẻ biết thể hiện một số điều quan sát được qua các hoạt động chơi, âm nhạc, tạo hình..	- Thể hiện một số điều quan sát được qua các hoạt động chơi, âm nhạc, tạo hình...		1->10	
57	4	- Trẻ biết thể hiện một số hiểu biết về đối tượng qua hoạt động chơi, âm nhạc và tạo hình....	- Thể hiện một số hiểu biết về đối tượng qua hoạt động chơi, âm nhạc và tạo hình...		1->10	
b. Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán						
Nhận biết số đếm, số lượng						
58	3	- Trẻ biết quan tâm đến số lượng và đếm như hay hỏi về số lượng, đếm vệt, biết sử dụng ngón tay để biểu thị số lượng.	- Quan tâm đến số lượng và đếm như hay hỏi về số lượng, đếm vệt, biết sử dụng ngón tay để biểu thị số lượng.		1,4,5,7	
59	4	- Trẻ biết quan tâm đến chữ số, số lượng như thích đếm các vật ở xung quanh, hỏi: bao nhiêu? là số mấy?...	- Quan tâm đến chữ số, số lượng như thích đếm các vật ở xung quanh, hỏi: bao nhiêu? là số mấy?...		1,4,5,7	
60	3	- Trẻ biết đếm trên các đối tượng giống nhau và đếm đến 5.	- Đếm trên đối tượng trong phạm vi 5 và đếm theo khả năng. - Một và nhiều.		1,4,5, 7,8	
61	4	- Trẻ biết đếm trên đối tượng trong phạm vi 10.	- Đếm trên đối tượng trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng.		1,4,5, 7,8	
62	3	- Trẻ biết so sánh số lượng hai nhóm đối tượng trong phạm vi 5 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn.	- So sánh số lượng hai nhóm đối tượng trong phạm vi 5 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn.		1,4,5, 7,8	

		ít hơn.				
63	4	- Trẻ biết so sánh số lượng của hai nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn.	- So sánh số lượng của hai nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn.		1,4,5, 7,8	
64	3	- Trẻ biết gộp và đếm hai nhóm đối tượng cùng loại có tổng trong phạm vi 5.		- 3- 4 tuổi: Gộp hai nhóm đối tượng và đếm.	1,4,5, 7,8	
65	4	- Trẻ biết gộp hai nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5, đếm và nói kết quả.			1,4,5, 7,8	
66	3	- Trẻ biết tách một nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5 thành hai nhóm.		* 3- 4 tuổi: - Tách một nhóm đối tượng thành các nhóm nhỏ hơn.	1,4,5, 7,8	
67	4	- Trẻ biết tách một nhóm đối tượng thành hai nhóm nhỏ hơn.			1,4,5, 7,8	
68	4	- Trẻ biết sử dụng các số từ 1-5 để chỉ số lượng, số thứ tự.	Chữ số, số lượng và số thứ tự trong phạm vi 5.		1,4,5, 7,8	
69	4	- Trẻ nhận biết được ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày.		- Nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày (số điện thoại, biển số xe, ngày trên lịch...)	3,8,9	

2. Sắp xếp theo qui tắc						
70	3	- Trẻ nhận ra được qui tắc sắp xếp đơn giản (mẫu) và sao chép lại.	- Xếp xen kẽ.	* 3-4 tuổi: - Xếp tương ứng 1-1, ghép đôi.	1,6	
71	4	- Trẻ nhận ra được qui tắc sắp xếp của ít nhất ba đối tượng và sao chép lại.	<i>So sánh, phát hiện qui tắc sắp xếp và sắp xếp theo qui tắc.</i> - So sánh kích thước của ba đối tượng.		1,6	8
3. So sánh hai đối tượng						
72	3	- Trẻ biết so sánh hai đối tượng về kích thước và nói được các từ: to hơn/ nhỏ hơn; dài hơn/ ngắn hơn; cao hơn/ thấp hơn; bằng nhau.	- So sánh 2 đối tượng về kích thước. + To – nhỏ; + Dài - ngắn + Cao – thấp + Rộng hẹp	* 3-4 tuổi: - So sánh 2 đối tượng về kích thước. + To – nhỏ; + Dài- ngắn + Cao -thấp + Rộng hẹp	1	
73	4	- Trẻ sử dụng được dụng cụ để đo độ dài, dung tích của 2 đối tượng, nói kết quả đo và so sánh.	- Đo độ dài một vật bằng một đơn vị đo. - Đo dung tích bằng một đơn vị đo .		- Đo độ dài một vật bằng một đơn vị đo - Đo dung tích bằng một đơn vị đo .	4 6 3
4. Nhận biết hình dạng						
74	3	- Trẻ nhận dạng được và gọi tên các hình: tròn, vuông, tam giác, chữ nhật.	- Nhận biết, gọi tên các hình: hình vuông, hình tam giác, hình tròn, hình chữ nhật và nhận dạng các hình đó trong thực tế. - Sử dụng các hình hình học để chấp ghép.		3	
75	4	- Trẻ biết chỉ ra các điểm giống, khác nhau giữa hai hình (tròn và tam giác, vuông và chữ nhật,...)	- So sánh sự khác nhau và giống nhau của các hình: hình vuông, hình tam giác, hình tròn, hình chữ nhật.		10	3

76	4	- Trẻ biết sử dụng các vật liệu khác nhau để tạo ra các hình đơn giản.	- Chắp ghép các hình để tạo thành hình học.		10	
5. Nhận biết vị trí trong không gian và định hướng thời gian						
77	3	- Trẻ biết sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đối tượng trong không gian so với bản thân.	- Nhận biết phía trên - phía dưới, phía trước - phía sau, tay phải - tay trái của bản thân.		2	
78	4	- Trẻ biết sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đồ vật so với người khác.	- Xác định vị trí của đồ vật so với bản thân trẻ và so với bạn khác (phía trước - phía sau; phía trên - phía dưới; phía phải - phía trái)		2	
79	4	- Trẻ biết mô tả các sự kiện xảy ra theo trình tự thời gian trong ngày.		* 3-4 tuổi: - Nhận biết các buổi: sáng, trưa, chiều, tối.	9	
c) Khám phá xã hội.						
1. Nhận biết bản thân, gia đình, trường lớp mầm non và cộng đồng						
80	3	- Trẻ nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện.	- Tên, tuổi, giới tính của bản thân.		2	
81	4	- Trẻ nói được họ và tên, tuổi, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện	- Họ tên, tuổi, giới tính, đặc điểm bên ngoài, sở thích của bản thân.		2	
82	3	- Trẻ nói được tên của bố mẹ và các thành viên trong gia đình.	- Tên của bố mẹ, các thành viên trong gia đình. Địa chỉ gia đình.		3	
83	4	- Trẻ nói được họ, tên và công việc của bố, mẹ, các thành viên trong gia đình khi được hỏi, trò chuyện,	- Họ tên, công việc của bố mẹ, những người thân trong gia đình và công việc của họ. Một số nhu cầu của gia		3	

		xem ảnh về gia đình.	đình, địa chỉ gia đình.			
84	3	- Trẻ nói được địa chỉ của gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình	- Nói được địa chỉ của gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình.		3	
85	4	- Trẻ nói được địa chỉ của gia đình mình (Tên bản, tên xã) khi được hỏi, trò chuyện.	- Nói địa chỉ của gia đình mình (Tên bản, tên xã).		3	
86	3	- Trẻ nói được tên trường/lớp, cô giáo, bạn , đồ chơi, đồ dùng trong lớp khi được hỏi, trò chuyện	- Tên lớp mẫu giáo, tên và công việc của cô giáo. - Tên các bạn, đồ dùng, đồ chơi của lớp, các hoạt động của trẻ ở trường.		1	
87	4	- Trẻ biết nói tên và địa chỉ của trường, lớp khi được hỏi, trò chuyện.	- Tên, địa chỉ của trường lớp.		1	
88	4	- Trẻ biết nói tên, một số công việc của cô giáo và các bác công nhân viên trong trường khi được hỏi, trò chuyện.	- Tên và công việc của cô giáo và các cô bác ở trường.		1	
89	4	- Trẻ biết nói tên và một vài đặc điểm của các bạn trong lớp khi được hỏi, trò chuyện.	- Họ tên và một vài đặc điểm của các bạn; các hoạt động của trẻ ở trường.		1	
Nhận biết một số nghề phổ biến và nghề truyền thống ở địa phương						
90	3	- Trẻ biết kể tên và nói được sản phẩm của nghề nông, nghề xây dựng ngành nghề truyền thống của địa phương(nghề	- Tên gọi, sản phẩm của một số nghề, trang phục truyền thống của địa phương (váy mông) và ích lợi của một số nghề		4	

		đan lát, nghề dệt, thêu)... khi được hỏi, xem tranh.	phổ biến ở địa phương			
91	4	Trẻ có thể kể tên, công việc, công cụ, sản phẩm/ích lợi... của một số nghề khi được hỏi, trò chuyện: (Nghề làm nương làm ra lúa gạo, nghề thợ mộc làm nên những ngôi nhà,...)		- Tên gọi, công cụ, sản phẩm, các hoạt động và ý nghĩa của các nghề phổ biến, nghề truyền thống của địa phương “Nghề nông làm ra lúa gạo, nghề xây dựng xây nên những ngôi nhà mới ”	4	
- Nhận biết một số lễ hội và danh lam, thắng cảnh.						
92	3	- Trẻ biết kể tên một số lễ hội: Ngày khai giảng, Tết Trung thu, tết mông...qua trò chuyện, tranh ảnh. (Tết mông)	- Cờ Tổ quốc, tên ngày lễ hội của địa phương (Ngày khai giảng, tết trung thu, Tết mông)		1,4,5, 6,8,10	
93	4	- Trẻ biết kể tên và nói đặc điểm của một số ngày lễ hội (Ngày khai giảng, tết trung thu, Tết mông)		- Đặc điểm nổi bật của một số ngày lễ hội, sự kiện văn hoá của quê hương, đất nước (Ngày khai giảng, tết trung thu, Tết mông)	1,4,5, 6,8,10	
94	3	- Trẻ biết kể tên một vài danh lam, thắng cảnh ở địa phương.	- Tên của di tích lịch sử, danh lam, thắng cảnh.		10	
95	4	- Trẻ biết kể tên và nêu một vài đặc		- Đặc điểm nổi bật của	10	

		điêm của cảnh đẹp, di tích lịch sử ở địa phương.		một số di tích, danh lam, thắng cảnh,		
3. Phát triển ngôn ngữ.						
a. Nghe hiểu lời nói.						
96	3	- Trẻ thực hiện được yêu cầu đơn giản, ví dụ: “Cháu hãy lấy quả bóng, ném vào rổ”.	- Hiểu và làm theo yêu cầu đơn giản.		4,5,6	
97	4	- Trẻ thực hiện được chỉ dẫn có 2, 3 yêu cầu liên tiếp, ví dụ: “Cháu hãy lấy hình tròn màu đỏ gắn vào bông hoa màu vàng”.	- nghe hiểu và làm theo được chỉ dẫn có 2, 3 hành động.		4,5,6	
98	3	- Trẻ hiểu được nghĩa từ khái quát gần gũi: quần áo, đồ chơi, hoa, quả... TCTV: Trẻ nói được các từ và mẫu câu mới)	- Hiểu các từ chỉ người, tên gọi đồ vật, sự vật, hành động, hiện tượng gần gũi, quen thuộc.		1-> 10	
99	4	- Trẻ hiểu từ khái quát: rau quả, con vật, đồ gỗ...	- Hiểu một số từ khái quát, từ trái nghĩa chỉ sự vật hiện tượng đơn giản gần gũi với trẻ: rau quả, con vật, đồ gỗ.... - Trẻ nói được các tiếng của tiếng việt (TCTV: Trẻ nói được từ và mẫu câu mới)		1->10	
100	3	- Trẻ biết lắng nghe và trả lời được câu hỏi của người đối thoại.	- Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng.	- Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi.	1->10	
101	4	- Trẻ biết lắng nghe và trao đổi	- Nghe hiểu nội dung các câu		1->10	

		với người đối thoại.	đơn, câu mở rộng, câu phức.	- Nghe các bài hát quen thuộc của địa phương như: xòe hoa, inh lả oi, , bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè phù hợp với độ tuổi.		
b. Sử dụng lời nói trong cuộc sống hàng ngày						
102	3	- Trẻ nói rõ được các tiếng. - Trẻ có thể nói các từ, mẫu câu mới.	- Phát âm các tiếng của tiếng Việt. - Trẻ nói được các tiếng của tiếng việt (TCTV: Trẻ nói được từ và mẫu câu mới)		1->10	
103	4	- Trẻ nói rõ được để người nghe có thể hiểu được. - Trẻ có thể nói các từ, mẫu câu mới.	- Phát âm các tiếng có chứa các âm khó. - Trẻ nói được các tiếng của tiếng việt (TCTV: Trẻ nói được từ và mẫu câu mới)		1->10	
104	3	- Trẻ biết sử dụng được các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm.	- Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân bằng các câu đơn, câu đơn mở rộng.		2,3,4	
105	4	- Trẻ biết sử dụng được các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm,...	- Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân bằng các câu đơn, câu ghép.		2,3,4	
106	3	- Trẻ sử dụng được câu đơn, câu ghép.	- Trả lời và đặt các câu hỏi: ai? cái gì? ở đâu? khi nào?		1->10	
107	4	- Trẻ sử dụng được các loại câu đơn, câu ghép, câu khẳng định,	- Trả lời và đặt các câu hỏi: ai? cái gì? ở đâu? khi nào? để làm gì?.		1->10	

		câu phủ định.				
108	3	- Trẻ biết kể lại được những sự việc đơn giản đã diễn ra của bản thân như: thăm ông bà, đi chơi, xem phim,..	- Kể lại sự việc.		6->10	
109	4	- Trẻ biết kể lại sự việc theo trình tự.	- Kể lại sự việc có nhiều tình tiết.		6->10	
110	3	- Trẻ biết đọc thuộc bài thơ, ca dao, đồng dao...		Đọc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, hò vè.	1->10	
111	4	- Trẻ biết đọc thuộc bài thơ, ca dao, đồng dao...			1->10	
112	3	- Trẻ biết kể lại truyện đơn giản đã được nghe với sự giúp đỡ của người lớn.	- Kể lại một vài tình tiết của truyện đã được nghe theo sự gợi ý của cô. - Mô tả sự vật, tranh ảnh có sự giúp đỡ.		7,8, 9,10	
113	4	- Trẻ biết kể chuyện có mở đầu, kết thúc.	- Kể lại truyện đã được nghe theo sự gợi ý của cô. - Mô tả sự vật, hiện tượng, tranh ảnh.		7,8, 9,10	
114	3	- Trẻ biết bắt chước giọng nói của nhân vật trong truyện.	Đóng vai theo lời dẫn chuyện của giáo viên.		5,7,9, 10	
115	4	- Trẻ biết bắt chước giọng nói, điệu bộ của nhân vật trong truyện.	- Bắt chước giọng nói, điệu bộ của nhân vật trong truyện.		5,7,9, 10	
116	3	- Trẻ biết sử dụng các từ vâng ạ, dạ, thưa,... trong giao tiếp	- Sử dụng các từ biểu thị sự lễ phép.		1,2,3	
117	4	- Trẻ biết sử dụng các từ như mời	- Sử dụng các từ biểu thị sự lễ phép.		1,2,3	

		cô, mời bạn, cảm ơn, xin lỗi trong giao tiếp.				
118	3	- Trẻ biết nói đủ nghe, không nói lí nhí.		- Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp.	1->10	
119	4	- Trẻ biết điều chỉnh giọng nói phù hợp với hoàn cảnh khi được nhắc nhở.				
c. Làm quen với việc đọc – viết						
120	3	- Trẻ biết chọn sách, truyện gần gũi để xem.	- Giữ gìn bảo vệ sách	- Xem và nghe đọc các loại sách, truyện gần gũi với trẻ.	5->10	
121	4	- Trẻ biết chọn sách, truyện gần gũi để xem.	- Giữ gìn bảo vệ sách	- Cầm sách đúng chiều, mở sách, xem tranh và “đọc” truyện.	5->10	
122	3	- Trẻ biết nhìn vào tranh minh họa và gọi tên nhân vật trong tranh.	- Mô tả sự vật, tranh ảnh có sự giúp đỡ.		6->10	
123	4	- Trẻ biết mô tả hành động của các nhân vật trong tranh.	- Mô tả sự vật, hiện tượng, tranh ảnh.		6->10	
124	4	- Trẻ biết cầm sách đúng chiều và giở từng trang để xem tranh ảnh. “đọc” sách theo tranh minh họa (“đọc vẹt”).	- Có thể phân biệt phần mở đầu, kết thúc của sách theo sự hướng dẫn của cô		1->10	
125	4	- Trẻ nhận ra được kí hiệu thông thường trong cuộc sống: nhà vệ sinh, cấm lửa, nơi nguy hiểm,..	- nhận ra được kí hiệu thông thường trong cuộc sống: nhà vệ sinh, cấm lửa, nơi nguy hiểm,..		1->10	

		hiêm,...				
126	3	- Trẻ thích vẽ, “viết” nguệch ngoạc.	- Tô vẽ nguệch ngoạc.		1->10	
127	4	- Trẻ biết sử dụng kí hiệu để “viết”: tên, làm vé tàu, thiệp chúc mừng,...	- Nhận dạng một số chữ cái. - Tập tô, tập đồ các nét chữ		1->10	
4. Giáo dục phát triển tình cảm kỹ năng xã hội						
a. Thể hiện ý thức về bản thân						
128	3	- Trẻ nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân.	- Tên, tuổi, giới tính.		2	
129	4	- Trẻ nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân, tên bố, mẹ.	- Tên, tuổi, giới tính.		2	
130	3	- Trẻ nói được điều bé thích, không thích	- Nói được điều bé thích, không thích		2,4,6	
131	4	- Trẻ nói được điều bé thích, không thích, những việc gì bé có thể làm được.	- Nói được điều bé thích, không thích, những việc gì bé có thể làm được		2,4,6	
b. Thể hiện sự tự tin tự lực.						
132	3	- Trẻ mạnh dạn tham gia vào các hoạt động, mạnh dạn khi trả lời câu hỏi.	- Mạnh dạn tham gia vào các hoạt động, mạnh dạn khi trả lời câu hỏi.		1,3,5,7,9,10	
133	4	- Trẻ biết tự chọn đồ chơi, trò chơi theo ý thích.	- Tự chọn đồ chơi, trò chơi theo ý thích.		1,3,5,7,9,10	
134	3	- Trẻ biết cố gắng thực hiện công việc đơn giản được giao (chia giấy vẽ, xếp đồ chơi,...).	- Thực hiện công việc đơn giản được giao (chia giấy vẽ, xếp đồ chơi,...).		2,4,6,8	
135	4	- Trẻ biết cố gắng hoàn thành công việc được giao (trục nhật, dọn đồ chơi).	- Hoàn thành công việc được giao (trục nhật, dọn đồ chơi).		2,4,6,8	

		dọn đồ chơi).				
c. Nhận biết và thể hiện cảm xúc, tình cảm với con người, sự vật, hiện tượng xung quanh						
136	3	- Trẻ nhận ra được cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận qua nét mặt, giọng nói, qua tranh ảnh.	- Nhận biết một số trạng thái cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi, tức giận) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói.		1->2	
137	4	- Trẻ nhận biết được cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên qua nét mặt, lời nói, cử chỉ, qua tranh, ảnh.	- Nhận biết một số trạng thái cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói, tranh ảnh.		1->2	
138	3	- Trẻ biết biểu lộ cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận.	- Biểu lộ trạng thái cảm xúc qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói; trò chơi; hát, vận động.		1->2	
139	4	- Trẻ biết biểu lộ một số cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên.	- Biểu lộ trạng thái cảm xúc, tình cảm phù hợp qua cử chỉ, giọng nói; trò chơi; hát, vận động; vẽ, nặn, xếp hình.		1->10	
140	3	- Trẻ nhận ra được hình ảnh Bác Hồ.	- Kính yêu Bác Hồ. - Quan tâm đến cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước.		10	
141	4	- Trẻ nhận ra được hình ảnh Bác Hồ, lăng Bác Hồ.		- Kính yêu Bác Hồ.	10	
142	3	- Trẻ thích nghe kể chuyện, nghe hát, đọc thơ, xem tranh ảnh về Bác Hồ.	- Thích nghe kể chuyện, nghe hát, đọc thơ, xem tranh ảnh về Bác Hồ.		10	
143	4	- Trẻ biết thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua	- Thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua hát, đọc thơ, cùng		10	

		hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác Hồ.	cô kể chuyện về Bác Hồ.			
144	4	- Trẻ biết một vài cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước, địa phương.)	- Quan tâm đến di tích lịch sử, cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước địa phương (Đồi A1, hầm đờ cát, tượng đài,...).		10	
d. Hành vi và quy tắc ứng xử xã hội						
145	3	- Trẻ thực hiện được một số quy định ở lớp và gia đình: sau khi chơi xếp cất đồ chơi, không tranh giành đồ chơi, vâng lời bố mẹ.	- Một số quy định ở lớp và gia đình (để đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ). - Yêu mến bố, mẹ, anh chị em ruột	- Một số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng (để đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ; trật tự khi ăn, khi ngủ; đi bên phải lề đường).		
146	4	- Trẻ thực hiện được một số quy định ở lớp và gia đình: Sau khi chơi cất đồ chơi vào nơi quy định, giờ ngủ không làm ồn, vâng lời ông bà, bố mẹ.		- Yêu mến quan tâm đến người thân trong gia đình. (Vâng lời ông bà bố mẹ, anh chị khi muốn đi chơi) - Biết giúp cô giáo, bố mẹ công việc vừa sức: Quét nhà, quét lớp, phơi khăn, kê bàn ghế,....)	1,3,8	
147	3	- Trẻ biết chào hỏi và nói cảm ơn, xin lỗi khi được nhắc nhở...	- Cử chỉ, lời nói lễ phép (chào hỏi, cảm ơn). - Chờ đến lượt. - Nhận biết hành	- Yêu mến quan tâm đến người thân trong gia đình (Vâng lời ông	1,3,8,9	

			vi “đúng” - “sai”, “tốt” - “xấu”.	bà bố mẹ, anh chị khi muốn đi chơi)		
148	4	- Trẻ biết nói cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi lễ phép.	- Sử dụng lời nói và cử chỉ lễ phép. - Phân biệt hành vi “đúng”-“sai”, “tốt” - “xấu”.		1,3,8,9	
149	3	- Trẻ biết chú ý nghe khi cô, bạn nói.	- Chú ý nghe khi cô, bạn nói		1,3,8,9	
150	4	- Trẻ biết chú ý nghe khi cô, bạn nói.	- Chú ý nghe khi cô, bạn nói			
151	4	- Trẻ biết chờ đến lượt khi được nhắc nhở.	- Tôn trọng hợp tác, chấp nhận với bạn: Xếp hàng rửa tay, khi thực hiện các công việc được giao,....		1->4	
152	3	- Trẻ biết cùng chơi với các bạn trong các trò chơi theo nhóm nhỏ	- Cùng chơi với các bạn trong các trò chơi theo nhóm nhỏ		5->10	
153	4	- Trẻ biết trao đổi, thoả thuận với bạn để cùng thực hiện hoạt động chung (chơi, trực nhật ...).	- Trao đổi, thoả thuận với bạn để cùng thực hiện hoạt động chung (kê bàn, xếp ghế, xếp dọn đồ chơi, trực nhật,.....).		5->10	
e. Quan tâm đến môi trường						
154	3	- Trẻ thích quan sát cảnh vật thiên nhiên và chăm sóc cây.		- Bảo vệ chăm sóc con vật và cây cối.	5,7,9	
155	4	- Trẻ thích chăm sóc cây, con vật thân thuộc.			5,7,9	
156	3	- Trẻ biết bỏ rác đúng nơi quy định.		- Giữ gìn vệ sinh môi trường (Không xả rác, vứt rác bừa bãi, bẻ	1,6,7,9	
157	4	- Trẻ biết bỏ rác đúng nơi quy			1,6,7,9	

		định.		hái hoa....)		
158	4	- Trẻ không nên bẻ cành vứt hoa	- Không nên bẻ cành bứt hoa		1-10	
159	4	- Trẻ biết không nên để tràn nước khi rửa tay, tắt quạt, tắt điện ra khỏi phòng		- Tiết kiệm nước (tắt nước khi không dùng, biết khóa vòi nước sau khi rửa tay, rửa mặt, ...)	1,3,9	
5. Giáo dục Phát triển thẩm mỹ.						
a. Cảm nhận và thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp của thiên nhiên, cuộc sống và các tác phẩm nghệ thuật						
160	3	- Trẻ vui sướng, vỗ tay, nói lên cảm nhận của mình khi nghe các âm thanh gọi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của các sự vật, hiện tượng.	- Bộc lộ cảm xúc khi nghe âm thanh gọi cảm, các bài hát, bản nhạc gần gũi và ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật.		1->10	
161	4	- Trẻ vui sướng, vỗ tay, làm động tác mô phỏng và sử dụng các từ gọi cảm nói lên cảm xúc của mình khi nghe các âm thanh gọi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng.	- Bộc lộ cảm xúc phù hợp khi nghe âm thanh gọi cảm, các bài hát, bản nhạc và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật.		1->10	
162	3	- Trẻ biết chú ý nghe, thích được hát theo, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư theo bài hát, bản nhạc; thích nghe	- Nghe các bài hát, bản nhạc (nhạc thiếu nhi, dân ca).		1->10	

		đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ, thích nghe kể câu chuyện.				
163	4	- Trẻ biết chú ý nghe, thích thú (hát , vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư) theo bài hát, bản nhạc; thích nghe đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ, thích nghe kể câu chuyện.	- Nghe và nhận ra các loại nhạc khác nhau (nhạc thiếu nhi, dân ca).		1->10	
164	3	- Trẻ thích thú, ngắm nhìn, chỉ, sờ và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình (về màu sắc, hình dáng...) của các tác phẩm tạo hình.	- Thích thú, ngắm nhìn, chỉ, sờ và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình (về màu sắc, hình dáng...) của các tác phẩm tạo hình.		1->10	
165	4	- Trẻ thích thú, ngắm nhìn và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình (về màu sắc, hình dáng, bố cục...) của các tác phẩm tạo hình. (A)	- Thích thú, ngắm nhìn và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình (về màu sắc, hình dáng, bố cục...) của các tác phẩm tạo hình. <i>Steam: Dự án: “Một số đồ dùng gia đình” 5E</i> <i>Steam: Dự án “Một số loại quả” 5E</i>		1->10 3 7	
b. Một số kĩ năng trong hoạt động âm nhạc và hoạt động tạo hình						
166	3	- Trẻ biết hát tự nhiên, hát được theo giai điệu bài hát quen thuộc.	- Hát đúng giai điệu, lời ca bài hát.	- Hát đúng giai điệu, lời ca và thể hiện sắc thái,	1->10	

				tình cảm của bài		
167	4	- Trẻ biết hát đúng giai điệu, lời ca, hát rõ lời và thể hiện sắc thái của bài hát qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ.		- Hát đúng giai điệu, lời ca và thể hiện sắc thái, tình cảm của bài hát	1->10	
168	3	- Trẻ biết vận động theo nhịp điệu bài hát, bản nhạc (vỗ tay theo phách, nhịp, vận động minh họa). - Trẻ biết sử dụng các dụng cụ (nhạc cụ có ở địa phương) gõ đệm theo phách nhịp, tiết tấu.	- Vận động đơn giản theo nhịp điệu của các bài hát, bản nhạc. - Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp.		1->10	
169	4	- Trẻ biết vận động nhịp nhàng theo nhịp điệu các bài hát, bản nhạc với các hình thức (vỗ tay theo nhịp, tiết tấu, múa).	- Vận động nhịp nhàng theo giai điệu, nhịp điệu của các bài hát, bản nhạc. - Sử dụng các dụng cụ (nhạc cụ có ở địa phương) gõ đệm theo phách nhịp, tiết tấu	- Hát đúng giai điệu, lời ca và thể hiện sắc thái, tình cảm của bài hát.	1->10	
170	3	- Trẻ biết sử dụng các nguyên vật liệu sẵn có trong thiên nhiên của địa phương để tạo ra sản phẩm theo sự gợi ý.	- Sử dụng các nguyên vật liệu sẵn có trong thiên nhiên, địa phương (Hạt ngô, hạt đỗ, lá cây, rơm,.....) để tạo ra các sản phẩm. <i>Steam: Dự án “Một số đồ dùng trong gia đình” EDP</i> <i>Steam: Dự án “Nặn 1 số loại quả” EDP</i>		1->10 3 7	

171	4	- Trẻ biết phối hợp các nguyên vật liệu sẵn có trong thiên nhiên của địa phương để tạo ra sản phẩm.	- Phối hợp các nguyên vật liệu sẵn có trong thiên nhiên, địa phương (Hạt ngô, hạt đỗ, lá cây, rom,.....) để tạo ra các sản phẩm. <i>Steam: Dự án “Một số đồ dùng trong gia đình” EDP</i> <i>Steam: Dự án “Nặn 1 số loại quả” EDP</i>		1->10 3 7	
172	3	- Trẻ biết vẽ các nét thẳng, xiên, ngang, tạo thành bức tranh đơn giản	- Sử dụng một số kỹ năng vẽ để tạo ra sản phẩm đơn giản.		1->10	
173	4	- Trẻ biết vẽ phối hợp các nét thẳng, xiên, ngang, cong tròn tạo thành bức tranh có màu sắc và bố cục.	- Sử dụng các kỹ năng vẽ để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/ đường nét.		1->10	
174	3	- Trẻ biết xé theo dải, xé vụn và dán thành sản phẩm đơn giản.	- Sử dụng một số kỹ năng xé dán để tạo ra sản phẩm đơn giản.		1->10	
175	4	- Trẻ biết xé, cắt theo đường thẳng, đường cong... và dán thành sản phẩm có màu sắc, bố cục.	- Sử dụng các kỹ năng cắt, xé dán để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/đường nét. <i>Steam: Dự án: “Một số đồ dùng trong gia đình” EDP</i>		1->10 3	
176	3	- Trẻ biết lăn dọc, xoay tròn, ấn dẹt đất nặn để tạo thành các sản phẩm có 1 khối hoặc 2 khối.	- Sử dụng một số kỹ năng nặn như xoay tròn lăn dọc, ấn dẹt, nắm, uốn cong, miết,... để tạo ra sản phẩm đơn giản.		1->10	

			<i>Steam: Dự án “Nặn 1 số loại quả” EDP</i>		7	
177	4	- Trẻ biết làm lõm, đổ bột, bẻ loe, vuốt nhọn, uốn cong đất nặn để nặn thành sản phẩm có nhiều chi tiết.	- Sử dụng các kỹ năng nặn như xoay tròn lăn dọc, ấn dẹt, nắm, uốn cong, miết,... để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/ đường nét. <i>Steam: Dự án “Nặn 1 số loại quả” EDP</i>		1->10 7	
178	3	- Trẻ biết xếp chồng, xếp cạnh, xếp cách tạo thành các sản phẩm có cấu trúc đơn giản.	- Sử dụng một số kỹ năng xếp hình để tạo ra sản phẩm đơn giản.		1->10	
179	4	- Trẻ biết phối hợp các kỹ năng xếp hình để tạo thành các sản phẩm có kiểu dáng, màu sắc khác nhau.	- Sử dụng các kỹ năng xếp hình để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/ đường nét.		1->10	
180	3	- Trẻ biết nhận xét các sản phẩm tạo hình.	- Nhận xét sản phẩm tạo hình. <i>Steam: Dự án “Một số đồ dùng trong gia đình” EDP</i> <i>Steam: Dự án “Nặn 1 số loại quả” EDP</i>		1->10 3 7	
181	4	- Trẻ biết nhận xét các sản phẩm tạo hình về màu sắc, đường nét, hình dáng.	- Nhận xét sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng/ đường nét. <i>Steam: Dự án “Một số đồ dùng trong gia đình”</i>		1->10 3	

			<i>EDP</i> <i>Steam: Dự án</i> <i>“Nặn 1 số loại</i> <i>quả” EDP</i>		7	
c. Thể hiện sự sáng tạo khi tham gia các hoạt động nghệ thuật						
182	3	- Trẻ biết vận động theo ý thích các bài hát, bản nhạc quen thuộc.	- Vận động theo ý thích khi hát/nghe các bài hát, bản nhạc quen thuộc.		1->10	
183	4	Trẻ biết lựa chọn và tự thể hiện hình thức vận động theo bài hát, bản nhạc.	- Lựa chọn, thể hiện các hình thức vận động theo nhạc		1->10	
184	4	- Trẻ biết lựa chọn dụng cụ để gõ đệm theo nhịp điệu, tiết tấu bài hát.	- Lựa chọn dụng cụ âm nhạc để gõ đệm theo nhịp điệu bài hát.		1->10	
185	3	- Trẻ biết tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích.	- Tạo ra các sản phẩm đơn giản theo ý thích.	- Nói lên ý tưởng tạo hình của mình.	1->10	
186	4	- Trẻ biết nói lên ý tưởng và tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích	- Tự chọn dụng cụ, nguyên vật liệu để tạo ra sản phẩm theo ý thích.	<i>Steam: Dự án “Một số đồ dùng trong gia đình” EDP</i> <i>Steam: Dự án “Nặn 1 số loại quả” EDP</i>	3 7 1->10	
187	3	- Trẻ biết đặt tên cho sản phẩm tạo hình		- Đặt tên cho sản phẩm của mình		
188	4	- Trẻ biết đặt tên cho sản phẩm tạo hình		<i>Steam: Dự án “Một số đồ dùng trong gia đình” EDP</i> <i>Steam: Dự án “Nặn 1 số loại quả” EDP</i>	3 7	

**PHÓ HIỆU TRƯỞNG
PHÊ DUYỆT**



Trần Thị Thủy

UBND HUYỆN ĐIỆN BIÊN ĐÔNG
TRƯỜNG MẦM NON TÀI DÌNH
DỰ KIẾN THỰC HIỆN CÁC CHỦ ĐỀ NĂM HỌC 2024 – 2025
LỚP MẪU GIÁO GHÉP 3 + 4 TUỔI
(35 tuần thực học)

stt	Chủ đề	Chủ đề nhánh	Số tuần	Thời gian	Lễ hội	Điều chỉnh BS
<i>Ngày 06/9/2024 đón trẻ rèn nề nếp, lễ giáo</i>						
1	Trường MN (3 tuần)	- Trường mầm non của bé	1	9/9 - 13/9/2024	Ngày hội bé đến trường	
		- Bé vui trung thu	1	16/9 - 20/9/2024	Ngày hội trăng rằm	
		- Lớp học của bé	1	23/9 – 27/9/2024		
2	Bản thân (3 tuần)	Bé giới thiệu về bản thân	1	30/9- 04/10/2024		
		Cơ thể kỳ diệu của bé	1	07/10 - 11/10/2024		
		Bé cần gì để lớn lên và khoẻ mạnh	1	14/10 - 18/10/2024	Ngày hội liên hiệp Phụ nữ 20/10	
	Gia đình	Những người thân yêu của bé	2	21/10 - 01/11/2024		

3	củ bé (4 tuần)	- Ngôi nhà của gia đình bé	1	04/11 – 8/11/2024			
		- Steam: Dự án đồ dùng gia đình	1	11/11 - 15/11/2024			
4	Nghành nghề (4 tuần)	Ngày hội của thầy cô	1	18/11 - 22/11/2024	Ngày nhà giáo VN 20/11		
		- Bé tìm hiểu về nghề nông	1	25/11 - 29/11/2024			
		- Bé tìm hiểu nghề y	1	02/12 - 06/12/2024			
		- Bé tìm hiểu về nghề phổ biến	1	9/12 - 13/12/2024			
5	Thế giới động vật (4 tuần)	- Một số con vật sống trong gia đình.	1	16/12 - 20/12/2024	Ngày quân đội nhân dân VN 22/12		
		- Một số con vật sống trong rừng.	1	23/12 - 27/12/2024			
		- Một số con vật sống dưới nước.	1	30/12 - 03/01/2025			
		- Bé tìm hiểu một số con côn trùng và chim	1	06/01 - 10/01/2025		Kết thúc Học kỳ I	
Soạn ôn học kì I 13/1 – 17/1/2025							
6	Tết và mùa xuân (3 tuần)	Bé tìm hiểu về tết Nguyên Đán	1	20/01 - 24/01/2025	Bé vui đón tết, tổ chức hoạt động cho trẻ đón tết	Tái giảng học kỳ II	
		Nghỉ tết Nguyên Đán 27/01 - 31/01/2025					
		Mùa xuân trên bản làng	1	03/02 – 07/02/2025			
		Lễ hội mùa xuân	1	10/02 – 14/02/2025			
7	Thế giới thực vật	- Bé tìm hiểu về cây xanh	1	17/02 – 21/02/2025			
		- Một số loại hoa	1	24/02 – 28/02/2025			
		- Steam: Dự án một số loại quả	1	3/3 - 7/3/2025	Ngày quốc tế phụ nữ		

	(4 tuần)				8/3	
		- Một số loại rau	1	10/3 – 14/3/2025		
8	Một số PTGT (3 tuần)	- Một số PT và QĐGT đường bộ	1	17/3 – 21/3/2025		
		- Một số PTGT đường thủy	1	24/3 - 28/3/2025		
		- Một số PTGT đường hàng không	1	31/3 - 04/4/2025		
9	Nước và các HTTN (3 tuần)	- Bé tìm hiểu nước và ích lợi của nước	1	07/4 – 11/4/2025		
		- Bé tìm hiểu một số hiện tượng tự nhiên	1	14/4 - 18/4/2025		
		- Bé tìm hiểu các mùa trong năm	1	21/4 - 25/4/2025		
10	QH - ĐN - BH - (4 tuần)	- Quê hương Điện Biên của bé	1	28/4 – 02/5/2025	Giải phóng MN thống nhất đất nước	
		Đất nước Việt Nam	1	05/05 – 09/5/2025	Chiến thắng ĐBP	
		- Bác Hồ kính yêu	1	12/5 – 16/5/2025		
		- Bản làng nơi e sinh sống	1	19/5 – 23/5/2025		

**PHÓ HIỆU TRƯỞNG
PHÊ DUYỆT**

